

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 276/2025/HS-PT
Ngày 10 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng
Ông Trần Xuân Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký viên.

- **Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 122/2025/TLPT-HS ngày 29 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo Vương Thị Thanh H, Nguyễn Thị Thu H1. Do có kháng cáo của bị cáo Vương Thị Thanh H và của bị hại Nguyễn Thị L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 413/2025/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- **Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:** Vương Thị Thanh H, sinh năm 1975; giới tính: nữ; nơi thường trú: Tổ A, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội (nay là: Tổ A, phường H, thành phố Hà Nội); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: nguyên là Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ huyện Q (đã bị tạm đình chỉ công tác ngày 13/12/2023); nguyên là Đảng viên Đ (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 12/12/2023); con ông Vương Văn L1 và bà Nguyễn Thị N; có chồng là Nguyễn Ngọc S và 02 con (sinh năm 1996 và 2003); tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 05/12/2023 tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Vương Thị Thanh H: Ông Nguyễn Quang T, Luật sư của Công ty L5 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

- **Bị cáo bị kháng cáo:** Nguyễn Thị Thu H1 (tên gọi khác: Nguyễn Thị H1), sinh năm: 1980; giới tính: nữ; nơi thường trú: Xóm G, T, xã S, huyện Q, thành phố Hà Nội (nay là: Xóm G, T, phường T, thành phố Hà Nội); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học

vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị N1; có chồng là Nguyễn Xuân T2 và 04 con (sinh năm: 2000, 2005, 2010, 2021); tiền sự: không; tiền án: ngày 28/02/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội xử phạt 05 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 07/2017/HSST), hiện đang thi hành án tại Trại giam T6, Công an thành phố H (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thu H1: Ông Vũ Hoàng L2, Luật sư của Công ty L6 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

- Bị hại có kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ: thôn C, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội (nay là: thôn C, xã A, thành phố Hà Nội) - có mặt.

Ngoài ra, vụ án còn có 02 bị hại không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị (Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để chi tiêu cá nhân, Vương Thị Thanh H mặc dù không có chức năng, khả năng nhưng đã đưa ra thông tin gian dối là có khả năng xin cấp phép mở rộng dự án cây xăng Y, khả năng xin được vào làm việc tại Văn Phòng Đ1, xin được biên chế trong ngành Công an để khiến nhiều người tin tưởng chuyển tiền cho H. Bằng thủ đoạn này, từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 7 năm 2023, Vương Thị Thanh H đã chiếm đoạt được của bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn T3 và bà Lê Thị L3 tổng số tiền là 9.501.200.000 đồng. Trong số tiền trên, từ tháng 4 năm 2019 đến cuối năm 2020, Nguyễn Thị H1 đã giúp sức Vương Thị Thanh H chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị L số tiền 3.332.400.000 đồng. Cụ thể như sau:

(1) Vương Thị Thanh H có hành vi chiếm đoạt số tiền 7.856.000.000 đồng, trong đó Nguyễn Thị H1 giúp sức cho H chiếm đoạt số tiền 3.332.400.000 đồng của bà Nguyễn Thị L:

Bà Nguyễn Thị L là Giám đốc Công ty TNHH X đã được mở cây xăng tại Km16+200 đường gom phía Bắc Đại lộ T thuộc thôn Q, xã Y, huyện Q, Hà Nội. Khoảng năm 2017, bà L có nhu cầu mở rộng cây xăng sang mặt đường gom phía Nam Đại lộ T thuộc địa phận xã Y, huyện Q (đối diện cây xăng hiện tại của bà L) nên thông qua ông Bùi Văn H2 (sinh năm 1960; HKTT: TDP Đ, thị trấn Q, huyện Q, Hà Nội) giới thiệu đến gặp Vương Thị Thanh H là Phó Trưởng Phòng kinh tế của Ủy ban nhân dân huyện Q. Mặc dù không có chức năng, khả năng về mở rộng cây xăng nhưng H vẫn giới thiệu có nhiều mối quan hệ với các sở, ban, ngành có thẩm quyền có khả năng giúp bà L làm các thủ tục để được mở rộng cây xăng. Tin tưởng H, bà L đã nhiều lần chuyển tiền cho H, cụ thể: Tháng 7/2017, H yêu cầu bà L đưa 200.000.000 đồng, hẹn trong vòng 03 tháng sẽ hoàn thiện thủ tục, nếu không sẽ hoàn trả cho bà L số tiền trên nên ngày 31/7/2017, bà L đưa cho H 200.000.000 đồng tiền mặt và yêu cầu H ký vào giấy nhận tiền ghi ngày 31/7/2017. Sau đó, H tiếp tục đưa ra nhiều lý do để thực hiện việc mở rộng cây

xăng như: làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các thửa ruộng mà bà L đã mua để chuẩn bị thực hiện dự án; đi quan hệ với các sở, ban, ngành có thẩm quyền phê duyệt dự án; thực hiện gói thầu kè mương dẫn đường ống xăng dầu từ cây xăng cũ sang cây xăng mới... để yêu cầu bà L chuyển tiền cho H. Từ ngày 31/7/2017 đến đầu năm 2019, bà L tiếp tục chuyển tiền cho H nhiều lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng V số 103005970177 mang tên Vương Thị Thanh H tổng số tiền 4.523.600.000 đồng. Các lần nhận tiền, H đều ký xác nhận vào các Phiếu chi theo đề nghị của bà L. Toàn bộ số tiền nhận được của bà L, H không sử dụng để lo thủ tục mở rộng cây xăng như cam kết với bà L mà sử dụng chi tiêu cá nhân.

Khoảng đầu năm 2019, thấy H không cung cấp được tài liệu liên quan đến việc xin cấp phép mở rộng dự án cây xăng Y như hứa hẹn nên bà L yêu cầu H hoàn trả lại tiền. Để tạo niềm tin cho bà L tiếp tục chuyển tiền, H liên hệ với Nguyễn Thị H1 hành nghề xem bói (trước đó nhiều lần xem bói cho H) và nói với H1 việc đang nhận tiền để làm thủ tục xin dự án mở rộng cây xăng cho bà L nhưng bà L yêu cầu H cung cấp các tài liệu chứng minh và hỏi H1 xem cho liệu H có thể tiếp tục lấy thêm được tiền của bà L không. Hằng xem ảnh bà L qua thẻ Căn cước công dân H đưa cho, H1 nói H là bà L có lộc, H có thể tiếp tục lấy thêm tiền của bà L.

Theo hướng dẫn của H, H đưa cho H1 01 sim điện thoại số 0964872780 để H1 giả danh người tên “M” làm ở Sở quy hoạch kiến trúc thành phố H liên hệ với bà L, H1 đưa ra nhiều lý do về việc xin cấp phép dự án mở rộng cây xăng với bà L để yêu cầu bà L tiếp tục chuyển tiền cho H. Trên cơ sở các thông tin H1 (giả danh người tên “M”) đưa ra do H hướng dẫn khiến bà L tin tưởng và tiếp tục chuyển tiền cho H. Sau đó mỗi khi cần tiền, H lại nhờ H1 xem bói giúp xem bà L có tiền không và đọc nội dung để hướng dẫn H1 giả danh người tên “M” gọi điện thoại hoặc nhắn tin cho bà L trao đổi về tiến độ xin cấp phép dự án và yêu cầu chuyển tiền; năm 2019, H có 03 lần nhờ H1 đến cây xăng Y lấy hộ tiền của bà L để lo thủ tục xin cấp phép dự án cây xăng. Từ tháng 4/2019 đến cuối năm 2020, H1 nhiều lần giả danh người tên “M” trao đổi và yêu cầu bà L chuyển tổng số tiền 3.332.400.000 đồng cho H. Số tiền nhận được của bà L, H1 chuyển lại toàn bộ cho H, H không hứa hẹn thỏa thuận cho H1 hưởng lợi gì, H khai thỉnh thoảng cho H1 tiền nhưng không nhớ số lượng cụ thể. Tổng số tiền bà L chuyển cho H là 7.856.000.000 đồng, H sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không chia cho H1.

Đến cuối năm 2020, bà L thấy H không cung cấp được tài liệu gì liên quan đến việc mở rộng cây xăng nên đã tìm gặp và yêu cầu H phải trả lại tiền. H đưa ra nhiều lý do khất lần không trả lại tiền cho bà L nên ngày 11/5/2023 bà L yêu cầu H viết giấy biên nhận nợ số tiền 7.800.000.000 đồng. Đến nay, H mới trả được cho bà L số tiền là 1.000.000.000 đồng nên bà L đã làm đơn tố giác H đến cơ quan Công an.

Vật chứng thu giữ:

- Ngày 12/9/2023, bà Nguyễn Thị L tự nguyện giao nộp: 01 tập phiếu chi

gồm 49 tờ (bản chính); 01 tập giấy nộp tiền tại Ngân hàng C gồm 23 tờ (bản chính); 01 giấy nhận tiền ghi ngày 31/7/2017 (bản chính); 01 giấy cam kết trả nợ ghi ngày 11/01/2023 (bản chính); 01 giấy biên nhận nợ ghi ngày 11/5/2023 (bản chính).

- Ngày 13/9/2023, ông Nguyễn Văn L4 (là chồng bà Nguyễn Thị L) tự nguyện giao nộp: 08 bản phô tô 08 hợp đồng chuyển nhượng đối 08 thửa đất tại xã Y, huyện Q, Hà Nội.

- Ngày 18/12/2023, bà Nguyễn Thị L tự nguyện giao nộp: 11 tờ giấy A4 in hình ảnh nội dung tin nhắn với số điện thoại 0964872780 (số điện thoại của Nguyễn Thị H1 giả danh giới thiệu với bà L là người tên “M” làm tại Sở K).

Tại bản Kết luận giám định số 6960/KL-KTHS ngày 26/10/2023 của V1 kết luận:

- Chữ viết phần nội dung trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A11, A14, A16, A17, A19, A26, A29, A30, A41, A44, A45, A46, A48, A49 so với chữ viết của Nguyễn Thị L trên các mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

- Chữ ký dưới mục “Thủ trưởng đơn vị” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 và chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị L trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A3 đến A49 so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị L trên các mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản Kết luận giám định số 6961/KL-KTHS ngày 26/10/2023 của V1 kết luận:

Chữ ký, chữ viết đứng tên Vương Thị Thanh H trên các mẫu cần giám định ký hiệu: A1, A2, A3, A5, A6, A7, A12, A13, A16 đến A22, A24, A25, A26, A28, từ A30 đến A47, A50, A51, A52 (trừ các chữ “là 7.800.000.000 trên” trên mẫu cần giám định ký hiệu A52) so với chữ viết, chữ ký của Vương Thị Thanh H trên các mẫu so sánh do cùng một người viết, ký ra.

Tại bản Kết luận giám định số 6962/KL-KTHS ngày 26/10/2023 của V1 kết luận:

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn L4 dưới mục “Thủ quỹ” trên các mẫu cần giám định so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Văn L4 trên các mẫu so sánh do cùng một người viết và ký ra.

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị H1 dưới mục “Người nhận” trên các mẫu cần giám định, chữ ký “Hằng” dưới mục người nhận trên mẫu cần giám định so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị H1 trên các mẫu so sánh do cùng một người viết và ký ra.

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Văn S1 dưới mục “Người nhận tiền” trên các mẫu cần giám định so với chữ viết, chữ ký của Trần Văn S1 trên các mẫu so sánh do cùng một người viết và ký ra.

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Phùng Văn T4 dưới mục “Người nhận” trên các mẫu cần giám định so với chữ viết, chữ ký của Phùng Văn T4 trên các mẫu so sánh do cùng một người viết và ký ra.

Kết quả xác minh tài khoản số 103005970177 của Ngân hàng C mang tên Vương Thị Thanh H phù hợp với các giao dịch giao nhận tiền giữa bà L và H.

Kết quả xác minh tại Phòng Kinh tế - Ủy ban nhân dân huyện Q: Phòng Kinh tế không đề xuất hoặc thực hiện các thủ tục xin dự án mở rộng cửa hàng xăng dầu Y tại mặt đường gom phía Nam thuộc địa phận xã Y. Đối với các tài liệu về xin dự án mở rộng cửa hàng X1, Phòng Kinh tế không thực hiện nên không có hồ sơ. Phòng Kinh tế huyện Q cung cấp 01 Quyết định về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý số 66 ngày 15/01/2016 đối với Vương Thị Thanh H đến nhận công tác và giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Kinh tế, thời hạn 5 năm.

Kết quả xác minh tại Phòng Quản lý đô thị và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng - Ủy ban nhân dân huyện Q: Từ năm 2017 đến ngày 30/8/2023, không nhận được hồ sơ, văn bản của các tổ chức, cá nhân nào liên quan đến dự án mở rộng cây xăng tại xã Y, huyện Q và cũng không tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền các văn bản liên quan đến dự án đầu tư xây dựng, mở rộng cây xăng Y.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân xã Y, huyện Q: Từ năm 2017 đến ngày 15/8/2023, không có hộ gia đình nào xin thực hiện các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp; trên địa bàn xã Y không thực hiện triển khai các dự án cây xăng nào.

Kết quả xác minh tại Sở C1 - Ủy ban nhân dân thành phố H: Năm 2017, Sở Công thương nhận được văn bản số 09-2017/CV-YS ngày 20/9/2017 và văn bản số 10/2017/CV-YS ngày 23/10/2017 của Công ty TNHH X về việc đầu tư dự án xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu tại km 16+100 đường Đ (vị trí bên trái tuyến Đại lộ T theo hướng đi từ Hà Nội về H), địa điểm tại thôn Q, xã Y, huyện Q, Hà Nội. Ngày 01/12/2017, Sở C1 đã có văn bản số 6131/SCT-QLTM báo cáo thành phố Hà Nội về việc Công ty TNHH X đề xuất địa điểm xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu tại km 16+100 đường Đ; đồng thời gửi tới Công ty TNHH X nêu rõ: việc đề xuất xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu tại km 16+100 đường Đ (vị trí bên trái tuyến Đại lộ T xã Y, huyện Q, Hà Nội) là không phù hợp. Sở Công thương không nhận được văn bản, đề nghị của tổ chức, cá nhân nào về việc xin dự án mở rộng Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Công ty TNHH X.

Tại Cơ quan điều tra, Vương Thị Thanh H, Nguyễn Thị H1 và bà L đã khai nhận nội dung như trên. Ngoài ra, H khai H không thực hiện việc xin dự án mở rộng cây xăng Y cho bà L như hứa hẹn. H đưa ra nhiều lý do để bà L tin tưởng đưa tiền cho H. Quá trình tạo niềm tin cho bà L, H còn mua 01 sim rác số 0964502968 gọi cho bà L tự nhận mình là cán bộ ngân hàng nói cần chuyển tiền cho H để giải ngân gói thầu kẻ đường ống nước liên quan đến việc xin dự án mở rộng cây xăng Y.

Quá trình điều tra xác định: Ngoài chuyển tiền cho H và chuyển thông qua H1, bà L còn chuyển cho ông Trần Văn S1 (SN: 1970; HKTT: TDP D, thị trấn Q, huyện Q, Hà Nội), anh Phùng Văn T4 (SN: 1979; HKTT: TDP P, thị trấn Q, huyện Q, Hà Nội), ông Đỗ Văn T5 (SN: 1961; HKTT: thôn C, xã C, Q, Hà Nội - đã chết năm 2020) là những người được H nhờ đến cây xăng Y gặp bà L để lấy tiền hộ H và được H trả tiền công đi lại. Những người này không biết mục đích nhận tiền, do đó không đủ căn cứ xử lý hình sự đối với ông S1, anh T4.

Về trách nhiệm dân sự: Bà L yêu cầu H hoàn trả số tiền 6.856.000.000 đồng đã chiếm đoạt còn lại.

(2) Hành vi chiếm đoạt số tiền 817.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn T3 (SN: 1990; HKTT: Tổ 14 phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội):

Anh Nguyễn Văn T3 là bạn của Nguyễn Ngọc M1 (con ruột Vương Thị Thanh H). Khoảng tháng 11/2022, Vương Thị Thanh H biết anh T3 có nhu cầu xin việc vào Văn phòng Đ1 nên đã đưa ra thông tin là có khả năng xin được việc cho anh T3 làm nhân viên tại Văn Phòng Đ1 với chi phí là 300.000.000 đồng. Ngày 05/12/2022, anh T3 sử dụng tài khoản Ngân hàng M2 số 1210199066666 mang tên Nguyễn Văn T3 chuyển vào tài khoản Ngân hàng V số 103005970177 mang tên Vương Thị Thanh H số tiền 300.000.000 đồng, nội dung chuyển khoản là “Xin việc vào Văn phòng đăng ký đất đai”. Sau đó, H tiếp tục đưa ra nhiều lý do khác nhau để yêu cầu anh T3 chuyển tiền. Từ ngày 06/12/2022 đến ngày 20/7/2023, anh T3 nhiều lần chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng trên của H với tổng số tiền 517.000.000 đồng. Tổng số tiền anh T3 chuyển cho H là 817.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H cam kết khoảng tháng 7/2023 sẽ xin được việc cho anh T3 nhưng H không liên hệ với ai để nộp hồ sơ xin việc cho anh T3 mà sử dụng tiền để chi tiêu cá nhân hết. Đến hẹn không thấy H xin được việc cho mình, anh T3 nhiều lần liên hệ thì H lấy nhiều lý do và không trả lại tiền cho anh T3. Do đó, anh T3 đã làm đơn tố giác H đến Cơ quan Công an.

Về trách nhiệm dân sự: Anh T3 yêu cầu H bồi thường số tiền 817.000.000 đồng đã chiếm đoạt.

(3) Hành vi chiếm đoạt số tiền 828.200.000 đồng của bà Lê Thị L3 (SN: 1977; HKTT: Xóm 1 thôn Đ, xã Đ, huyện Q, TP.):

Bà Lê Thị L3 có cháu họ kết hôn với cháu ruột của Vương Thị Thanh H. Khoảng cuối năm 2021, anh Trần Việt D (con ruột của bà Lê Thị L3) có tên trong danh sách thực hiện nghĩa vụ quân sự. Do có mong muốn con không phải nhập ngũ, bà L3 liên hệ nhờ H, H giới thiệu sẽ nhận bảo lãnh cho anh Trần Việt D với chi phí 40.000.000 đồng thì anh D không phải đi nhập ngũ. Ngày 28/01/2022, bà L3 sử dụng tài khoản Ngân hàng M2 số 0908752626 chuyển 40.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng V2 số 103005970177 mang tên Vương Thị Thanh H. Tuy nhiên, vào thời điểm này anh Trần Việt D được UBND xã Đ, huyện Q, Hà Nội chọn sang hệ Công an nghĩa vụ. H nói với bà L3 cứ để cho anh D đi Công an nghĩa vụ, sau đó H sẽ lo cho anh D biên chế phục vụ lâu dài trong ngành Công an và yêu cầu bà L3 đưa thêm số tiền 28.000.000 đồng để lo thủ tục. Tin tưởng H,

ngày 28/02/2022, bà L3 chuyển khoản 28.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của H. Sau đó, H tiếp tục đưa ra nhiều lý do để yêu cầu bà L3 chuyển tiền để tiếp tục lo thủ tục cho anh D được chuyển sang hệ Công an chuyên nghiệp. Từ ngày 14/3/2022 đến ngày 16/3/2022, bà L3 nhiều lần chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng của H với tổng số tiền 760.200.000 đồng. Nhận được tổng số tiền 828.200.000 đồng của bà Lê Thị L3, H không liên hệ với ai để làm thủ tục chuyển cho anh D sang hệ Công an chuyên nghiệp mà chiếm đoạt và chi tiêu cá nhân hết. Tháng 01/2024, anh Trần Việt D thực hiện xong nghĩa vụ nhưng không được vào biên chế trong ngành Công an như H cam kết nên bà L3 đã gửi đơn tố giác đến Cơ quan điều tra.

Tại Cơ quan điều tra, Vương Thị Thanh H, bà Lê Thị L3 và anh Trần Việt D khai nhận nội dung như trên.

2. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 413/2025/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Vương Thị Thanh H, Nguyễn Thị Thu H1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Vương Thị Thanh H 16 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/12/2023.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 và Điều 58, Điều 56 Bộ luật Hình sự. Phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 13 năm tù, tổng hợp với 05 năm tù Bản án số 07/2017/HSST ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, buộc bị cáo phải chấp hành 2 bản án là 18 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2024.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự: Bị cáo Vương Thị Thanh H bồi thường trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 6.856.000.000 đồng; trả cho anh Nguyễn Văn T3 817.000.000 đồng; trả cho bà Lê Thị L3 số tiền 828.200.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu lãi suất đối với khoản tiền bồi thường dân sự chậm thi hành án; nghĩa vụ chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm; phổ biến về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm và thủ tục thi hành án đối với phần trách nhiệm dân sự theo quy định.

3. Kháng cáo:

3.1. Ngày 23/6/2025, bị cáo Vương Thị Thanh H có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

3.2. Ngày 02/7/2025, bị hại bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: yêu cầu tăng hình phạt các bị cáo và phong tỏa tài khoản, tài sản của các bị cáo để thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho bị hại.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm:

4.1. Bị cáo Vương Thị Thanh H giữ nguyên đơn kháng cáo.

4.2. Bị hại bà Nguyễn Thị L giữ nguyên đơn kháng cáo

4.3. Kiểm sát viên đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác chấp hành nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vương Thị Thanh H và của bị hại bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

4.4. Người bào chữa cho bị cáo Vương Thị Thanh H là Luật sư Nguyễn Quang T phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do trước khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường cho bà L 01 tỷ đồng và bị hại có một phần lỗi để giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Về nghĩa vụ bồi thường cho bà L, quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm đã xác định hiện bị cáo và gia đình không có tài sản gì nên kháng cáo của bà L là không có căn cứ.

4.4. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 là Luật sư Vũ Hoàng L2 phát biểu ý kiến: Bị cáo H1 chỉ có vai trò giúp sức cho bị cáo H, không được hưởng lợi gì; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, lời khai nhận của các bị cáo và của các bị hại trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Từ đầu năm 2017 đến ngày 20/7/2023, do cần tiền để chi tiêu cá nhân, Vương Thị Thanh H đã đưa ra thông tin gian dối về bản thân có khả năng xin cấp phép mở rộng dự án cây xăng Y, xin được vào làm việc Văn phòng Đ1, xin được vào biên chế trong ngành Công an để khiến nhiều người tin tưởng, chuyển tiền cho H và bị H chiếm đoạt của 3 bị hại (gồm: bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn T3 và bà Lê Thị L3) tổng số tiền là 9.501.200.000 đồng. Trong tổng số tiền 7.856.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị L bị H chiếm đoạt, từ tháng 4/2019 đến cuối năm 2020 Nguyễn Thị Thu H1 đã giúp sức cho H chiếm đoạt số tiền 3.332.400.000 đồng.

Với những hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên bố các bị cáo Vương Thị Thanh H, Nguyễn Thị Thu H1 phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản giá trị 500.000.000 đồng trở lên” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Vương Thị Thanh H xin giảm nhẹ mức hình phạt và kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị L đề nghị tăng mức hình phạt đối với 02 bị cáo thì thấy:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả từ hành vi phạm tội và vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án. Đồng thời đã xác định bị cáo H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo H1 ngày 28/02/2017 đã bị kết án 05 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản phạm tội” nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là chính xác.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho 02 bị cáo được hưởng tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo H được hưởng tình tiết “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất,... hoặc công tác” quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Đối với việc bị cáo H trước khi bị khởi tố đã bồi thường 1 tỷ đồng cho bị hại Nguyễn Thị L, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 mà áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có sự nhầm lẫn, tuy nhiên tình tiết này đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm cân nhắc khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

Với những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định xử phạt bị cáo Vương Thị Thanh H 16 năm tù, bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 13 năm tù và tổng hợp với hình phạt 05 năm tù của bản án xét xử năm 2017 là đúng quy định tại khoản 1 Điều 50 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự, bảo đảm tính nghiêm minh đối với người phạm tội, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và yêu cầu đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm.

Bị hại bà Nguyễn Thị L kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với cả 02 bị cáo với lý do các bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của bà số tiền rất lớn mà chưa khắc phục hậu quả, bồi thường cho bà thì theo nội dung phân tích ở trên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ trong tổng thể vụ án. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị L không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh các bị cáo có thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L yêu cầu tăng mức hình phạt đối với các bị cáo Vương Thị Thanh H, Nguyễn Thị Thu H1.

Đối với kháng cáo của bị cáo Vương Thị Thanh H xin giảm nhẹ hình phạt, xét thấy: Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét bị cáo đã bồi thường cho bà L 01 tỷ đồng trước khi bị khởi tố thì theo nội dung phân tích ở trên đã xác định Tòa án cấp sơ thẩm có sự nhầm lẫn trong việc áp dụng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để bổ sung tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự vào phần áp dụng pháp luật đối với bị cáo cho chính xác. Tuy vậy, tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm cân nhắc khi

quyết định hình phạt và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp; mặt khác, trong vụ án này bị cáo đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối khác nhau trong khoảng thời gian dài để chiếm đoạt tiền của các bị hại nên ý kiến của người bào chữa cho rằng bị hại có một phần lỗi là không phù hợp với những diễn biến khách quan hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo Vương Thị Thanh H xin giảm nhẹ hình phạt không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung bà Nguyễn Thị L trình bày trong đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc các bị cáo có trách nhiệm hoàn trả cho bà số tiền đã chiếm đoạt, phong tỏa toàn bộ tài khoản, tài sản của các bị cáo để thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho bà thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án dân sự, sau khi nhận được bản án phúc thẩm bà L có quyền liên hệ với Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội để được hướng dẫn, giải quyết.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Bị cáo Vương Thị Thanh H có kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vương Thị Thanh H và của bị hại Nguyễn Thị L; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 413/2025/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về phần hình phạt đối với các bị cáo Vương Thị Thanh H, Nguyễn Thị Thu H1 (tên gọi khác: Nguyễn Thị H1).

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và các Điều 38, 17, 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vương Thị Thanh H 16 (mười sáu) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/12/2023.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và các Điều 38, 17, 58, 56 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 (tên gọi khác: Nguyễn Thị H1) 13 (mười ba) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tổng hợp với hình phạt 05 (năm) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2017/HS-ST ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 18 (mười tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2024.

2. Các quyết định của Bản án sơ thẩm về các biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Vương Thị Thanh H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 10 tháng 9 năm 2025).

Nơi nhận:

- Vụ 1 Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Thị hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- Trại giam Thanh Xuân - Công an th.phố Hà Nội;
- Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội;
- Các bị cáo (qua Trại); người bào chữa;
- Bị hại có kháng cáo (bà Nguyễn Thị Loan);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Điền